

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về việc phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 67/2013/QĐ-TTg ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về cơ chế quản lý tài chính áp dụng cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Các nguồn thu, chi kinh phí hành chính sự nghiệp mà Ngân sách Nhà nước giao cho Cục Đăng kiểm Việt Nam được quản lý, hạch toán, quyết toán riêng theo quy định của Luật Ngân sách, không áp dụng theo quy định của Thông tư này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 2. Vốn hoạt động và bảo toàn vốn tại Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Vốn hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm: Vốn do Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn do Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm: Vốn do Nhà nước cấp cho Cục Đăng kiểm Việt Nam khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động; vốn được tiếp nhận từ các nơi khác chuyển đến theo quyết định của cấp có thẩm quyền; giá trị các khoản được viện trợ, tặng, tài sản vô chủ; vốn được bổ sung từ phần lợi nhuận sau thuế; giá trị quyền sử dụng đất và các khoản khác được tính vào vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Bảo toàn vốn:

Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam. Định kỳ 6 tháng, hàng năm Cục Đăng kiểm Việt Nam phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn theo quy định. Trường hợp có biến động về vốn, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát.

a) Bảo toàn vốn:

Căn cứ vào chỉ tiêu lãi, lỗ của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo báo cáo tài chính quý, năm để đánh giá mức độ bảo toàn vốn.

Đối với trường hợp có lãi hoặc không lỗ, mức độ bảo toàn vốn được xác định theo hệ số H:

$$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}}$$

Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu để xác định mức độ bảo toàn vốn bao gồm nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411), quỹ đầu tư phát triển (mã số 417), nguồn vốn xây dựng cơ bản (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán theo Báo cáo tài chính quý hoặc năm (Mẫu số B 01-DN ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).

- Khi xác định hệ số bảo toàn vốn theo quy định nêu trên, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự thay đổi vốn trong kỳ báo cáo như: vốn nhà nước đầu tư bổ sung cho Cục Đăng kiểm Việt Nam, vốn nhà nước điều chuyển từ nơi khác đến.

Phương pháp đánh giá mức độ bảo toàn vốn: nếu hệ số $H = 1$ Cục Đăng kiểm Việt Nam bảo toàn được vốn, hệ số $H > 1$ Cục Đăng kiểm Việt Nam đã phát triển được vốn.

b) Trường hợp Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa bảo toàn được vốn (tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi) thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam phải có báo cáo giải trình nguyên nhân, hướng khắc phục trong thời gian tới gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định.

- Các biện pháp khác về bảo toàn vốn và tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

1. Quản lý nợ phải thu:

a) Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ;

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ.

- Phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ; cuối kỳ, đánh giá lại và xử lý chênh lệch tỷ giá theo quy định.

- Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Giám đốc các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Giám đốc đơn vị trực thuộc có liên quan sẽ bị miễn nhiệm như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính của đơn vị từ 02 lần trở lên. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Giám đốc các đơn vị trực thuộc phải chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật.

- Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 06 tháng (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), Cục Đăng kiểm Việt Nam đã áp dụng các biện pháp xử lý như đổi chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính.

- Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, số còn lại được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Cục Đăng kiểm Việt Nam vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Quyền hạn của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyền bán các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Việc bán nợ chỉ được thực hiện đối với các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng mất cân đối về tài chính thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh các khoản nợ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các khoản nợ phải trả:

a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;

b) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Cục, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 4. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xây dựng kế hoạch các dự án đầu tư 5 năm trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

2. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định việc mua sắm tài sản và các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 30% vốn chủ sở hữu (mã 411 + 417 + 421) ghi trên Báo cáo tài chính của Cục được công bố tại quý gần nhất, nhưng không quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

3. Đối với việc mua sắm tài sản hoặc các dự án đầu tư, xây dựng vượt mức quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm trình Bộ Giao thông vận tải hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản.

4. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

5. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyết định điều chuyển tài sản trong nội bộ các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam. Riêng đối với tài sản là trụ sở làm việc, trước khi điều chuyển phải được sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản.

Điều 5. Khấu hao tài sản cố định

Các tài sản cố định hiện có của Cục Đăng kiểm Việt Nam được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 6. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam được nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Những tài sản trực tiếp phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích của Cục Đăng kiểm Việt Nam (nhà xưởng, máy móc, thiết bị kiểm tra, thử nghiệm, dây chuyền kiểm định...) khi nhượng bán, thanh lý phải được Bộ Giao thông vận tải đồng ý bằng văn bản. Bộ Giao thông vận tải sẽ xem xét ủy quyền

cho Cục Đăng kiểm Việt Nam được phép chủ động thanh lý đối với một số tài sản trong những trường hợp cụ thể.

b) Đối với những tài sản khác, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trên Báo cáo tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam được công bố tại quý gần nhất. Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp nêu trên Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định.

3. Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam không có khả năng thu hồi đủ vốn thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải giải trình rõ nguyên nhân và báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

4. Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế theo như phương án phê duyệt ban đầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Cục Đăng kiểm Việt Nam không trả được nợ vay theo khế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Bộ Giao thông vận tải xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do đơn vị tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thoả thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Cục Đăng kiểm Việt Nam được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

6. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 7. Kiểm kê tài sản

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch hoạ; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của đơn vị; hoặc theo chủ trương của Nhà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý kiểm kê:

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê:

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Cục Đăng kiểm Việt Nam không thể tự khắc phục được thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam lập phương án xử lý tổn thất trình Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền;

- Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

Điều 8. Đánh giá lại tài sản

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

II. DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

a) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc cung cấp dịch vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bao gồm:

- Doanh thu hoạt động đăng kiểm, gồm: Xét duyệt, thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực giao thông vận tải trước khi đóng mới hoặc hoán cải; kiểm định, thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực giao thông vận tải; đánh giá hệ thống quản lý an toàn, hệ thống an ninh, kế hoạch an ninh tàu biển Việt Nam theo quy định của Bộ Luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code) và Bộ Luật quốc tế về quản lý an ninh cho tàu và bến cảng (ISPS); kiểm tra, đánh giá lao động hàng hải theo Công ước Lao động hàng hải 2006 (MLC 2006); đánh giá và cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, bảo vệ môi trường theo yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; giám định trạng thái kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước hoặc chủ phương tiện thiết bị; hợp tác với các tổ chức đăng kiểm nước ngoài trong việc ủy quyền kiểm tra lẫn nhau theo thoả thuận và các hoạt động đăng kiểm khác theo quy định của Nhà nước;

- Doanh thu khác liên quan đến hoạt động đăng kiểm như: Đào tạo đăng kiểm viên, phát hành Tạp chí Đăng kiểm, cấp phôi tem và sổ theo mẫu thống nhất cho các đơn vị đăng kiểm trong toàn ngành; thu lệ phí cấp giấy chứng nhận và thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện được trích để lại theo quy định của pháp luật;

- Doanh thu từ các hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm, gồm: đại lý bán bảo hiểm cho phương tiện xe cơ giới, tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật liên quan đến an toàn kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các khoản thu khác theo quy định.

b) Doanh thu của hoạt động tài chính: Thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ theo quy định hiện hành.

2. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chi phí

Chi phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong năm tài chính gồm: chi phí phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.

1. Chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ:

a) Chi phí hoạt động đăng kiểm, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

- Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động theo chế độ Nhà nước hiện hành;

- Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà Cục Đăng kiểm Việt Nam phải nộp theo quy định;

- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh và quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Chi phí bằng tiền khác theo quy định, gồm: Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài và các loại thuế khác (nếu có); tiền thuê đất; trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động; đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động; chi cho công tác y tế theo quy định; thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm; chi phí cho lao động nữ; chi phí cho công tác bảo vệ môi trường; Chi phí ăn ca cho người lao động; chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Cục Đăng kiểm Việt Nam (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định) và các khoản chi phí bằng tiền khác.

- Giá trị tài sản tồn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định tại Điều 3, Điều 7 của Thông tư này.

- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, trích lập theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

b) Chi phí của các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đăng kiểm:

- Chi thuê giảng viên theo quy định và các chi phí liên quan đến công tác tổ chức đào tạo, các chi phí biên tập, nhuận bút, in ấn liên quan đến việc phát hành tạp chí, chi in ấn các mẫu biểu, tem, sổ để cấp phát cho các đơn vị đăng kiểm theo quy định;

- Chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm và thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe ô tô.

c) Chi phí cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm, gồm:

- Chi lương theo chế độ cho các cá nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động dịch vụ;

- Chi nguyên nhiên vật liệu, vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ;

- Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định;

- Chi công tác phí theo chế độ;

- Chi thuê tài sản cố định (nếu có);

- Các chi phí phân bổ cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm, gồm: tiền thuê mặt bằng, địa điểm làm việc, các chi phí về điện, nước, điện thoại, fax, internet, sách báo, tạp chí, dịch vụ công cộng;

- Các khoản chi phí bằng tiền khác theo quy định.

2. Chi phí hoạt động tài chính, gồm: tiền lãi, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán và các khoản chi phí tài chính khác theo quy định;

3. Chi phí khác, gồm: chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán); tài sản thiếu hụt sau kiểm kê (sau khi đã trừ trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan); chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán; chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng; các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng;

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh Cục Đăng kiểm Việt Nam mà do cá nhân gây ra.

Điều 11. Quản lý chi phí

Cục Đăng kiểm Việt Nam phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, mô hình tổ chức quản lý, mức độ trang bị của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Cục Đăng kiểm Việt Nam biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát.

Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

2. Định kỳ tổ chức phân tích chi phí nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí để có giải pháp khắc phục kịp thời.

3. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện tăng dẫn đến chi phí tăng vượt quá 15% so với kế hoạch tài chính được giao, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét và gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi điều chỉnh kế hoạch chi.

Điều 12. Lợi nhuận thực hiện

Lợi nhuận thực hiện trong năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam là chênh lệch giữa tổng doanh thu thực hiện trong năm nêu tại Điều 9 và tổng chi phí thực hiện trong năm nêu tại Điều 10 của Thông tư này.

III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các Khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển.

b) Trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo các tiêu chí đánh giá về kết quả thực hiện trong năm của đơn vị, cụ thể như sau:

- Trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng 03 tháng lương thực tế khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu và thu nhập khác tăng so với kế hoạch được Bộ Giao thông vận tải giao, trong đó doanh thu hoạt động đăng kiểm hoàn thành vượt mức từ 3% trở lên;

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu cao hơn so với kế hoạch được giao;

+ Không có nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1;

+ Không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành;

+ Đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ công ích.

Trong trường hợp Cục Đăng kiểm Việt Nam có một chỉ tiêu không đạt nêu trên thì chỉ được trích quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa bằng 1,5 tháng lương thực tế.

- Trích hai quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa bằng 1,5 tháng lương thực tế khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu và thu nhập khác tăng so với kế hoạch được Bộ Giao thông vận tải giao, trong đó doanh thu hoạt động đăng kiểm hoàn thành vượt mức từ 3% trở lên;

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu thấp nhất bằng kế hoạch được giao;

+ Không có nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn từ 0,5 đến 1;

+ Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính;

+ Đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ công ích.

- Trích tối đa 01 tháng lương thực tế đối với các trường hợp còn lại.

c) Trường hợp lợi nhuận thực hiện không đủ để trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

d) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại tiết a, b khoản 2 Điều này được bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của Cục Đăng kiểm Việt Nam để phục vụ cho đầu tư các dự án liên quan đến hoạt động đăng kiểm được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ: Việc trích lập, quản lý, quyết toán sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư hình thành tài sản cố định, bổ sung vốn Nhà nước tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và được quản lý, sử dụng, quyết toán quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thường cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Thường đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong đơn vị;

c) Thường cho những cá nhân và đơn vị ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của đơn vị;

Mức thưởng theo quy định tại điểm a, b, c khoản này do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định. Riêng điểm a cần có ý kiến của Công đoàn đơn vị trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong đơn vị;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn đơn vị.

5. Số dư Quỹ dự phòng tài chính đến thời điểm 31/12/2013 được bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

6. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nói trên phải được chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

7. Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

IV. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THÔNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 15. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán

1. Kế hoạch tài chính:

a) Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch tài chính trong năm và kế hoạch triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính trong năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (Mẫu Kế hoạch tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Phụ lục 01 của Thông tư này).

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch tài chính Bộ Giao thông vận tải có ý kiến gửi Bộ Tài chính tham gia. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải.

c) Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, trong vòng 07 ngày làm việc, Bộ Giao thông vận tải sẽ giao kế hoạch tài chính cho Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Phụ lục 02 của Thông tư này. Kế hoạch tài chính được gửi đồng thời cho Bộ Tài chính theo dõi và giám sát.

d) Sau khi được giao kế hoạch tài chính, trong vòng 07 ngày làm việc, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện giao kế hoạch tài chính hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Cục.

Kế hoạch tài chính trên được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Bộ Giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam phải hoàn thành việc giao kế hoạch tài chính của năm tiếp theo trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Chế độ kế toán:

Cục Đăng kiểm Việt Nam được áp dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác về kế toán.

Cục Đăng kiểm Việt Nam là một đơn vị hạch toán độc lập; quản lý tài chính tập trung mọi nguồn vốn, quỹ tại Cơ quan Cục. Các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam là các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 16. Báo cáo tài chính

1. Cuối kỳ kế toán quý, năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Báo cáo tài chính hàng năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có chức năng kiểm toán.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo sau:

a) Lập các báo cáo:

- Báo cáo tài chính quý, năm (theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và được bổ sung mẫu Biểu 2b-DN "Các khoản thanh toán với ngân sách" theo quy định tại Phụ lục 03 của Thông tư này;

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính theo Phụ lục 04 của Thông tư này;

- Báo cáo công khai tình hình tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

- Báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận sau thuế theo Phụ lục 05 của Thông tư này;

- Báo cáo quyết toán tiền lương theo Phụ lục 06 của Thông tư này.

b) Thời hạn và nơi gửi báo cáo:

Các báo cáo ở điểm a khoản 2 Điều này Cục Đăng kiểm Việt Nam phải gửi cho Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Cục thuế thành phố Hà Nội.

Thời hạn gửi các báo cáo trên được gửi mỗi năm một lần cùng thời điểm với Báo cáo quyết toán theo quy định. Thời gian gửi báo cáo quý thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Kiểm tra kế toán, kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính

1. Hàng tháng, quý, năm Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tự kiểm tra kế toán, báo cáo tài chính.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức kiểm tra Báo cáo tài chính năm đối với các đơn vị trực thuộc (trừ Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam) và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra. Căn cứ Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm tại đơn vị trực thuộc và sau khi có Thông báo thẩm định báo cáo tài chính của Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thông báo phê duyệt quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính:

- a) Kiểm tra báo cáo tài chính năm của Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- b) Thẩm định báo cáo tài chính năm của toàn Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Nội dung kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính:

a) Nội dung kiểm tra báo cáo tài chính năm:

- Nội dung kiểm tra gồm: Tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản (tăng, giảm tài sản cố định, nguồn vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn quỹ khác); kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận); quan hệ với ngân sách nhà nước;

- Việc kiểm tra sẽ được căn cứ vào hồ sơ, tài liệu của đơn vị cung cấp gồm: Báo cáo tài chính, Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hồ sơ, chứng từ gốc liên quan đến nghiệp vụ thu, chi tài chính tại đơn vị, các chứng từ khác liên quan đến nghiệp vụ hạch toán kế toán và các bảng kê, báo cáo khác có liên quan đến số liệu của Báo cáo tài chính;

- Rà soát và kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm toán, thanh tra, thẩm định báo cáo tài chính (nếu có).

b) Nội dung thẩm định báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- Nội dung thẩm định bao gồm: Tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản (tăng, giảm tài sản cố định, nguồn vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn quỹ khác); kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận); quan hệ với ngân sách nhà nước và phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm toán, thanh tra, thẩm định báo cáo tài chính (nếu có);

- Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và của Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam; rà soát, đối chiếu và tổng hợp số liệu tại các Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính các đơn vị trực thuộc và Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam với số liệu tổng hợp trên Báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Kết thúc việc thẩm định báo cáo tài chính năm, Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính lập Biên bản thẩm định để làm căn cứ cho Bộ Giao thông vận tải thông báo thẩm định báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

5. Ngoài ra, tùy theo tính chất công việc của từng năm, Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính sẽ tiến hành kiểm tra Cục Đăng kiểm Việt Nam theo chuyên đề: Kiểm tra công tác đầu tư mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung kiểm tra khác (nếu có). Các đợt kiểm tra này sẽ thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền và đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp với các đợt kiểm tra của các cơ quan chức năng khác như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính. Quyết định kiểm tra được thông báo cho Cục Đăng kiểm Việt Nam ít nhất 03 ngày trước khi kiểm tra.

6. Khi thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính hàng năm, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính có quyền yêu cầu Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- a) Giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết cho việc kiểm tra;
- b) Điều chỉnh lại số liệu quyết toán nếu có sai sót và điều chỉnh lại báo cáo quyết toán theo kết quả kiểm tra;
- c) Yêu cầu các đơn vị trực thuộc thu hồi nợ ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ và các khoản phải nộp khác theo quy định;

Điều 18. Công khai báo cáo tài chính

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc thực hiện thông báo công khai báo cáo theo chế độ quy định tại Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 của Chính phủ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/06/2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014, thay thế Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Liên Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Những vấn đề không nêu trong Thông tư liên tịch này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải để được hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ TRƯỞNG AN



Nguyễn Hồng Trường

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Tổng cục thuế, Cục thuế và Kho bạc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website: Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ GTVT;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT (Vụ TC, Vụ TCCB, Vụ PC);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ TC (Cục TCDN, Vụ PC, Vụ CST);
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Lưu: VT, Bộ TC, Bộ GTVT.

Phụ lục 01
(Kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25/04/2014
của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải)

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
Năm.....

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm báo cáo		Năm kế hoạch
			KH	Ước TH	
I	Doanh thu và thu nhập khác				
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng			
a	Doanh thu cung cấp dịch vụ:	Triệu đồng			
	- <i>Doanh thu hoạt động đăng kiểm</i>	Triệu đồng			
	- <i>Doanh thu khác liên quan hoạt động đăng kiểm</i>	Triệu đồng			
	- <i>Doanh thu ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm</i>	Triệu đồng			
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng			
2	Thu nhập khác	Triệu đồng			
II	Chi phí	Triệu đồng			
1	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ và chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng			
a	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:	Triệu đồng			
	- <i>Chi phí hoạt động đăng kiểm</i>	Triệu đồng			
	- <i>Chi phí khác liên quan hoạt động đăng kiểm</i>	Triệu đồng			
	- <i>Chi phí hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm</i>	Triệu đồng			
b	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng			
2	Chi phí khác	Triệu đồng			
III	Lợi nhuận thực hiện (I-II)	Triệu đồng			
IV	Số phải nộp Ngân sách phát sinh trong năm	Triệu đồng			
1	Thuế:	Triệu đồng			
	- Thuế GTGT	Triệu đồng			
	- Thuế TNDN	Triệu đồng			
	- Thuế TNCN	Triệu đồng			
2	Nộp lệ phí, cấp giấy chứng nhận	Triệu đồng			
3	Các khoản phải nộp khác	Triệu đồng			
V	Giá trị vốn Nhà nước tại Cục Đăng kiểm Việt Nam	Triệu đồng			
VI	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/vốn chủ sở hữu	Triệu đồng			
VII	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng			
VIII	Tổng số lao động	Người			
IX	Tổng quỹ lương	Triệu đồng			
X	Thu nhập bình quân người lao động/năm	Triệu đồng			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 02

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25/04/2014
của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải)

GIAO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CHO CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Năm.....

(Kèm theo Quyết định số .../.../QĐ-BGTVT ngày .../.../... của Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Số tiền
I	Doanh thu và thu nhập khác	
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính	
a	Doanh thu cung cấp dịch vụ:	
	- Doanh thu hoạt động đăng kiểm	
	- Doanh thu khác liên quan hoạt động đăng kiểm	
	- Doanh thu ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm	
b	Doanh thu hoạt động tài chính	
2	Thu nhập khác	
II	Chi phí	
1	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ và chi phí hoạt động tài chính	
a	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:	
	- Chi phí hoạt động đăng kiểm	
	- Chi phí khác liên quan hoạt động đăng kiểm	
	- Chi phí hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm	
b	Chi phí hoạt động tài chính	
2	Chi phí khác	
III	Lợi nhuận thực hiện (I-II)	
IV	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện / vốn chủ sở hữu:	
V	Số phải nộp Ngân sách phát sinh trong năm	
1	Thuế:	
	- Thuế GTGT	
	- Thuế TNDN	
	- Thuế TNCN	
2	Nộp lệ phí, cấp giấy chứng nhận	
3	Các khoản phải nộp khác	

Phụ lục 03

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 2B-DN

Bộ Giao thông vận tải
Cục Đăng kiểm Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	C	1	2	3	4 = (1+2-3)
I	Thuế	10				
1	Thuế giá trị gia tăng	11				
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15				
3	Thuế Tài nguyên	16				
4	Thuế Nhà đất	17				
5	Tiền thuế đất	18				
6	Các khoản thuế khác	19				
	- Thuế môn bài					
	- Thuế thu nhập cá nhân					
	- Các loại thuế khác					
II	Các khoản phải nộp khác	30				
1	Các khoản phụ thu	31				
2	Các khoản phí, lệ phí	32				
3	Các khoản khác	33				
4	Các khoản nộp phạt					
5	Nộp Khác					
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	40				

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 04
(Kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25/04/2014
của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
CỦA CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

Năm.....

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I	Doanh thu và thu nhập khác			
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính			
a	Doanh thu cung cấp dịch vụ:			
	- Doanh thu hoạt động đăng kiểm			
	- Doanh thu khác liên quan hoạt động đăng kiểm			
	- Doanh thu ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm			
b	Doanh thu hoạt động tài chính			
2	Thu nhập khác			
II	Chi phí			
1	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ và chi phí hoạt động tài chính			
a	Chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ:			
	- Chi phí hoạt động đăng kiểm			
	- Chi phí khác liên quan hoạt động đăng kiểm			
	- Chi phí hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm			
b	Chi phí hoạt động tài chính			
2	Chi phí khác			
III	Lợi nhuận thực hiện (I-II)			
IV	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/vốn chủ sở hữu			
V	Số phải nộp Ngân sách phát sinh trong năm			
1	Thuế:			
	- Thuế GTGT			
	- Thuế TNDN			
	- Thuế TNCN			
2	Nộp lệ phí, cấp giấy chứng nhận			
3	Các khoản phải nộp khác			
VI	Trích lập các quỹ			
1	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ			
2	Quỹ Đầu tư phát triển			
3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 05

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25/04/2014
của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM
CỦA CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Tổng số	
		Năm trước	Năm nay
I	Các chỉ tiêu		
1	Tổng lợi nhuận thực hiện		
2	Vốn chủ sở hữu* (gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu, mã số 411 + Quỹ đầu tư phát triển, mã số 417 + Nguồn vốn đầu tư XDCB, mã số 421)		
3	Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
	+ Năm trước (%)		
	+ Năm nay (%)		
4	Số phải nộp ngân sách phát sinh		
	+ Năm trước		
	+ Năm nay		
5	Quỹ lương thực hiện năm ...		
6	Thu nhập bình quân người/tháng:		
7	Tổng số lao động bình quân năm ...		
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Bù lỗ năm trước (nếu có)		
2	Trích Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ		
3	Nộp thuế TNDN		
4	Bù các khoản lỗ năm trước không được tính vào thu nhập trước thuế		
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển		
6	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi		

(* Ghi chú: Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu được tính bình quân của 04 quý trong năm)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 06

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25/04/2014
của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG
Năm.....
CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay	
			Kế hoạch	Thực hiện
1. Tiêu chí để trích lương: Doanh thu hoạt động đăng kiểm	Đồng			
2. Đơn giá tiền lương (Đơn giá tiền lương/1000 đồng doanh thu hoạt động đăng kiểm)	Đồng			
3. Tổng quỹ lương được duyệt	Đồng			
4. Tổng quỹ lương thực hiện	Đồng			
5. Tổng số lao động	Người			
6. Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)